

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2025/QĐ-UBND)

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Hà Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về công tác quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Nguồn kinh phí và điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh Hà Nam.

2. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công

1. Nguyên tắc quản lý:

Việc quản lý dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị liên quan và các quy định hiện hành nhằm đảm bảo sự thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cụ thể mà lựa chọn một trong các phương thức sau:

- Lấy ý kiến bằng văn bản;
- Tổ chức họp, hội nghị;
- Tổ chức đoàn khảo sát, kiểm tra, thanh tra.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công: Theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh Hà Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công

Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này đầu tư sản xuất vào các ngành, nghề sau đây được hưởng chính sách khuyến công:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.
2. Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.
3. Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn.
4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.
5. Sản xuất hàng thủ công nghiệp.
6. Sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ mới, không ô nhiễm môi trường, sử dụng nguyên liệu tái tạo.
7. Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 5. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.
3. Mục tiêu: nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.
4. Quy mô đề án: nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.
5. Nội dung và tiến độ: xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.
6. Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo quy định.
7. Tổ chức thực hiện: nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.
8. Hiệu quả của đề án: nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

Điều 6. Nội dung chi hoạt động khuyến công

Nội dung chi hoạt động khuyến công theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Điều 7. Mức chi chung và mức chi cụ thể của hoạt động khuyến công

Mức chi chung và mức chi cụ thể của hoạt động khuyến công theo quy định tại Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh Hà Nam.

Điều 8. Xây dựng, phê duyệt chương trình khuyến công giai đoạn; đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm

1. Đối với chương trình khuyến công giai đoạn: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện xây dựng chương trình khuyến công giai đoạn, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm:

a) Cấp tỉnh: Căn cứ vào chương trình khuyến công của giai đoạn đã được phê duyệt, nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn và số kinh phí được cấp, Sở Công Thương chỉ đạo tổng hợp, xây dựng và phê duyệt đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm.

b) Cấp huyện: Do UBND cấp huyện quyết định.

Điều 9. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án khuyến công

1. Đối với các đề án khuyến công cấp tỉnh

a) Xây dựng đề án:

Căn cứ kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí khuyến công (được phân bổ hàng năm hoặc bổ sung), Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh xây dựng đề án khuyến công theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

b) Thẩm định đề án:

Căn cứ hồ sơ đề án của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh trình Sở Công Thương, Sở Công Thương tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương.

c) Phê duyệt đề án:

Đề án sau khi thẩm định đạt yêu cầu, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh trình Sở Công Thương phê duyệt theo quy định.

d) Tổ chức thực hiện: Sau khi đề án khuyến công được phê duyệt, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương theo quy định.

đ) Nghiệm thu đề án:

- Nội dung nghiệm thu: Kiểm tra đánh giá thực tế mức độ hoàn thành các nội dung đề án theo Quyết định phê duyệt đề án khuyến công và hợp đồng thực hiện đề án khuyến công.

- Thành phần nghiệm thu: Lãnh đạo Sở Công Thương và phòng chuyên môn; Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh; phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị cấp huyện; lãnh đạo UBND cấp xã nơi triển khai đề án; đơn vị thụ hưởng.

2. Đối với các đề án khuyến công cấp huyện: Do UBND cấp huyện quyết định.

Điều 10. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công

1. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh, Sở Công Thương xem xét, phê duyệt các đề nghị: Tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, thay đổi nội dung hoạt động khuyến công; gia hạn thời gian thực hiện đề án, nhiệm vụ sang năm sau; ngừng triển khai thực hiện đề án, nhiệm vụ; thay đổi địa điểm; đơn vị thụ hưởng; đơn vị phối hợp; thời gian (trong năm tài chính) thực hiện và các điều chỉnh khác. Các điều chỉnh thực hiện thông qua hình thức: Ban hành quyết định điều chỉnh giao nhiệm vụ hoặc điều chỉnh nội dung điều khoản tại hợp đồng thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công.

Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Sở Công Thương xem xét, quyết định ngừng thực hiện.

2. Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công cấp huyện: Do UBND cấp huyện quyết định.

Điều 11. Tạm ứng, thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí và chứng từ chi hoạt động khuyến công

Tạm ứng, thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí và chứng từ chi các nội dung hoạt động khuyến công được áp dụng theo quy định tại Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 Thông tư số 36/2013/TT-BCT và Khoản 12, 13, 14, 15, 16 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Phân công trách nhiệm

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của tỉnh; xây dựng chương trình khuyến công giai đoạn.

b) Phối hợp với các cơ quan truyền thông trong và ngoài tỉnh, các địa phương cấp huyện, cấp xã tuyên truyền công tác khuyến công đến các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí khuyến công cấp tỉnh.

Hàng năm, căn cứ vào chương trình khuyến công giai đoạn đã được phê duyệt và nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn, Sở Công Thương tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí khuyến công cho năm tiếp theo hoặc kế hoạch bổ sung (trong năm hoạt động) gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh cấp kinh phí.

d) Theo dõi, đánh giá, định kỳ hàng quý hoặc đột xuất báo cáo Bộ Công Thương và UBND tỉnh về hoạt động khuyến công theo quy định.

đ) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn địa tỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Công thương và các đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp của Luật ngân sách để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định hiện hành và tình hình thực tế ở địa phương.

3. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo ngành, lĩnh vực, phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và thực hiện chương trình khuyến công từng giai đoạn.

4. UBND cấp huyện

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch, đề án, nhiệm vụ khuyến công cấp huyện và triển khai thực hiện; phối hợp với Sở Công Thương xây dựng chương trình khuyến công cấp tỉnh.

b) Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn có nhu cầu, đủ điều kiện thực hiện đề án khuyến công; lựa chọn, tổng hợp danh sách gửi Sở Công Thương.

c) Phối hợp với Sở Công Thương theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công trên địa bàn.

d) Có trách nhiệm theo dõi, đánh giá định kỳ báo cáo UBND tỉnh qua Sở Công Thương việc thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công cấp huyện.

5. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh

a) Xây dựng đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm trình Sở Công Thương phê duyệt.

b) Tổ chức triển khai thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt.

c) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Sở Công Thương tình hình triển khai thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công.

d) Chấp hành và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các đề án khuyến công.

e) Vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đóng góp, tài trợ kinh phí khuyến công.

g) Phối hợp với các đơn vị liên quan lựa chọn các cơ sở công nghiệp nông thôn có nhu cầu, đủ điều kiện thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công.

h) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu hoạt động khuyến công theo quy định của pháp luật.

6. Cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ, các thông tin cung cấp cho cơ quan quản lý; báo cáo kết quả thực hiện đề án. Trong trường hợp không thực hiện được đề án, phương án đã nêu trong hồ sơ, phải hoàn trả lại khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận.

b) Chịu trách nhiệm và tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện đề án.

c) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ, phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành. Trường hợp sử dụng sai mục đích, làm thất thoát kinh phí, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.